

HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHO SINH VIÊN  
ĐIỀU DƯỠNG THEO MÔ HÌNH KẾT HỢP GIÁO VIÊN TRƯỜNG - VIỆN  
THE EFFECTIVENESS OF CLINICAL NURSING TRAINING APPLIED FACILITATOR AND PRECEPTOR CO-  
OPERATION MODEL

HÀ THỊ NHƯ XUÂN<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá hiệu quả hướng dẫn thực hành lâm sàng theo mô hình kết hợp giữa giáo viên hướng dẫn của trường và của bệnh viện.

**Phương pháp:** Nghiên cứu can thiệp không có nhóm chứng lượng giá bằng bảng câu hỏi trước và sau can thiệp trên đối tượng là sinh viên các lớp Cử nhân Điều dưỡng đang thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giáo viên theo mô hình kết hợp trường - viện. Bên cạnh đó, sử dụng câu hỏi phỏng vấn nhằm tìm hiểu thêm về thuận lợi và khó khăn của giáo viên hướng dẫn lâm sàng của bệnh viện.

**Kết quả:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi áp dụng mô hình hướng dẫn lâm sàng kết hợp giữa giáo viên trường - viện, chất lượng môi trường thực tập được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của sinh viên với giá trị  $t = 2,950$  ( $p = 0,004$ ). Sinh viên cũng hài lòng hơn với việc được cung cấp dụng cụ hỗ trợ thực hành đầy đủ với  $t = 3,897$  ( $p = 0,000$ ). Bên cạnh đó, có 8 tiêu chuẩn năng lực của sinh viên đã cải thiện đáng kể ( $p < 0,005$ ). Tuy nhiên, tiêu chuẩn năng lực về cộng tác với nhân viên y tế và quản lý thuốc không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê với (p = 0,525) và (p = 0,320). Giáo viên của trường được sinh viên đánh giá là có tác phong chuyên nghiệp, phương pháp hướng dẫn và giải quyết vấn đề tốt hơn giáo viên của bệnh viện.

**Kết luận:** Hướng dẫn thực hành lâm sàng theo mô hình kết hợp giáo viên hướng dẫn trường - viện giúp cải thiện chất lượng môi trường thực hành và nâng cao năng lực của sinh viên điều dưỡng.

**Khuyến nghị:** Mô hình giảng dạy thực hành lâm sàng kết hợp giáo viên hướng dẫn trường - viện cần được triển khai đồng bộ tại các bệnh viện hợp tác với trường đào tạo điều dưỡng. Tuy nhiên, việc nâng cao năng lực của giáo viên hướng dẫn tại bệnh viện sẽ giúp cho mô hình này triển khai hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Thực hành lâm sàng điều dưỡng, giáo viên hướng dẫn thực hành, giáo viên hướng dẫn của bệnh viện.

## ABSTRACT

**Objective:** To evaluate the effectiveness of clinical nursing training applied facilitator and preceptor co-operation model

**Methodology:** This was an experimental study with no control group and evaluated by pre-test, post-test questionnaires. The subjects of this study were the undergraduate bachelor students practiced under guidance of the facilitators and preceptors model. In addition, the interview questionnaires were aiming to examine the advantages and disadvantages of clinical preceptors in hospital settings.

**Results:** The research results showed that, when applying the teaching model combining facilitators and preceptors, the quality of the practice environment was improved to meet the needs of students with  $t = 2,950$  ( $p = 0.004$ ). Students were also more satisfied with the provision of practical equipment with  $t = 3,897$  ( $p = 0.000$ ). Besides, there were 8 competency standards of students significantly improved ( $p < 0.005$ ). However, there was no statistically significant difference in two competencies of collaboration with healthcare workers and drug management with ( $p = 0.525$ ) and ( $p = 0.320$ ) respectively. The facilitators at nursing school are rated by the

students as having better professional behavior, better guidance and problem solving methods than preceptors of the hospital.

**Conclusion:** Facilitator - preceptor - based clinical practice instruction improves the quality of the practice environment and enhances the competency of nursing students.

**Recommendation:** The clinical practice teaching model combined facilitators and preceptors should be deployed synchronously between hospitals and nursing schools. However, improving the capacity of preceptors at the hospitals will help this model to be deployed more effectively.

**Keywords:** Clinical practice nurses, facilitators, preceptors.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Do nhu cầu của xã hội hiện nay, trong giai đoạn hội nhập quốc tế, nhân lực điều dưỡng Việt Nam cần được chú trọng hơn về chất lượng, do đó đòi hỏi giáo dục điều dưỡng cần có phương pháp giảng dạy phù hợp và chất lượng đội ngũ giảng viên ưu tú. Thực tế hiện nay, đội ngũ giảng viên điều dưỡng 70% là cán bộ trẻ, có năng lực, nhiệt tình nhưng lại thiếu kinh nghiệm chuyên môn đáng quý mà các điều dưỡng lâm sàng có được. Để giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực hướng dẫn thực hành lâm sàng, cần đẩy mạnh vai trò hỗ trợ đào tạo của các bệnh viện đầu ngành nhằm giúp bổ sung nguồn nhân lực và đồng thời cập nhật, trao đổi thông tin liên tục giữa trường và bệnh viện giúp cho việc học thực hành của sinh viên được cải thiện hơn, không có sự khác biệt quá lớn giữa học lý thuyết và thực hành. Từ những thực tế trên, việc hợp tác đào tạo cho sinh viên phối hợp giữa giáo viên hướng dẫn của trường và bệnh viện là một điều cần thiết. Tuy nhiên, đây là một mô hình mới nên việc triển khai thực hiện ban đầu cũng sẽ gặp nhiều khó khăn do sinh viên thường quen với việc thực hành “cầm tay chỉ việc”, đội ngũ giáo viên là nhân viên của bệnh viện chưa quen với công việc giảng dạy, phương pháp lượng giá và chưa tự tin vì thiếu kỹ năng sư phạm. Với mục đích tìm hiểu những điểm mạnh, yếu của mô hình khi được triển khai thực hiện, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo thực hành lâm sàng cho Cử nhân Điều dưỡng theo mô hình kết hợp giữa giáo viên trường - viện.

### 1.1. Thực trạng các hoạt động giảng dạy lâm sàng cho điều dưỡng

Các nước tiên tiến trên thế giới đã tiên phong trong sự nghiệp đổi mới phương pháp giảng dạy và các hoạt động giảng dạy thực hành, đặc biệt là thực hành điều dưỡng. Một nghiên cứu về việc thực hành của sinh viên điều dưỡng cho rằng những 3 nhân tố ưu tiên hàng đầu trong việc đào tạo thực hành điều dưỡng là giảng viên, người hướng dẫn và nhân viên lâm sàng [4].

Ngoài ra, năng lực của sinh viên y khoa khi thực hành lâm sàng còn được thể hiện qua khả năng giao tiếp. Một nghiên cứu gần đây cho thấy 88,1% sinh viên y khoa thiếu tự tin khi giao tiếp với bệnh nhân, thân nhân hay nhân viên y tế, điều đó chứng minh rằng sinh viên chưa được trang bị kiến thức và kỹ năng tốt khi thực hành lâm sàng [8].

Vai trò của người hướng dẫn lâm sàng cũng được đặt ra với tiêu chuẩn hàng đầu là phải có nhiều kinh nghiệm. Người hướng dẫn thực hành nên là một trong những giáo viên thỉnh giảng của một đội ngũ đa chuyên ngành làm việc tại nơi thực tập vì kinh nghiệm của họ sẽ giúp sinh viên liên kết được giữa lý thuyết và thực hành, bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên luân chuyển sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng tương tác với nhiều giáo viên cùng lúc và học hỏi nhiều kiến thức hơn [6].

Ngoài những vấn đề liên quan đến chuyên môn, tay nghề, tâm lý của sinh viên khi đi thực hành cũng rất quan trọng. Việc quản lý tốt môi trường thực hành cũng giúp cho sinh viên tự tin hơn. Một nghiên cứu đưa ra vấn đề nổi cộm và đáng quan tâm của sinh viên y khoa là thường xuyên bị nhân viên tại nơi thực hành bắt nạt. Bắt nạt biểu hiện bằng lời nói hoặc không bằng lời nói nhưng sẽ làm giảm khả năng học tập, động lực học tập cũng như lòng yêu nghề của sinh viên [7].

Tại Việt Nam, nghiên cứu về việc giảng dạy thực hành cho sinh viên điều dưỡng còn khá hạn chế, tuy nhiên một nghiên cứu của thạc sỹ Nguyễn Thị Kim Thoa về giảng dạy thực hành tại Đại học Y Phạm Ngọc Thạch đã

làm bật lên một số vấn đề nổi trội của giảng dạy thực hành y khoa như: “Lịch học lý thuyết dày đặc nên SV không có thời gian tự học, thời gian để tham khảo thêm tài liệu tại thư viện sách, thư viện điện tử”. Chất lượng giảng viên không đáp ứng đúng tiêu chuẩn “Giảng viên kiêm nhiệm từ các cơ sở thực hành hướng dẫn SV không phải là những giảng viên thực sự đã qua kinh nghiệm giảng dạy hoặc có nghiệp vụ sư phạm nên công tác quản lý và hướng dẫn cho SV chưa thật sự đạt yêu cầu đối với mục tiêu thực hành”. Việc kiểm tra đánh giá chưa được quản lý có hệ thống “Chưa thống nhất trong cách hướng dẫn và đánh giá cuối đợt thực hành, nhất là lâm sàng”. Môi trường thực hành không đáp ứng cho nhu cầu của sinh viên được thể hiện “Số lượng SV tập trung tại các khoa quá đông, nhất là tại các bệnh viện chuyên khoa nên rất hạn chế trong vấn đề hướng dẫn cũng như trong việc thực hiện đủ chỉ tiêu thực hành lâm sàng [2].

Ngoài ra, nhu cầu của sinh viên khi đi thực hành cũng là một trong những điểm đáng quan tâm nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện, chuẩn bị tốt hơn cho quá trình thực hành. “Sinh viên muốn được chuẩn bị thêm về mặt tâm lý, cụ thể là được giới thiệu thêm về những tình huống có thể gặp trong quá trình thực hành” [3]. “Sinh viên cũng muốn được học kỹ hơn về giao tiếp, được giới thiệu đầy đủ hơn, cũng như được trang bị và nhất là được nhấn mạnh hơn về cách giao tiếp trong môi trường thực hành. Các em cũng mong muốn được ngành tổ chức buổi giao lưu giữa sinh viên cũ và sinh viên mới để có thể trao đổi, học hỏi kinh nghiệm” [1].

Từ những thực trạng tồn tại trên cho thấy tầm quan trọng của công tác đào tạo thực hành, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo thực hành và từ đó giúp định hướng việc cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo thực hành cho sinh viên điều dưỡng.

## **1.2. Thực trạng áp dụng mô hình hướng dẫn thực hành lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng theo mô hình kết hợp giáo viên trường - viện**

Việc áp dụng mô hình kết hợp giáo viên trường - viện đã được thực hiện ở rất nhiều nước trên thế giới và những kết quả nghiên cứu đa phần nêu lên được tính tích cực và hiệu quả của mô hình này. Một nghiên cứu nêu bật lên tầm quan trọng của việc đào tạo giáo viên từ bệnh viện sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cơ hội học tập của sinh viên, sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp của các giáo viên bệnh viện, sự phát triển mối liên kết giữa giáo viên của trường và của bệnh viện [5]. Tuy nhiên, vai trò và mối quan hệ của sinh viên và giáo viên hướng dẫn của bệnh viện cũng như môi trường thực hành là những yếu tố rất quan trọng, mang lại hiệu quả của chương trình xây dựng mô hình kết hợp viện - trường và quyết định chất lượng đào tạo thực hành của sinh viên. Sự gắn kết giữa sinh viên-giáo viên hướng dẫn và môi trường thực hành phụ thuộc vào việc tổ chức và lập kế hoạch cho việc hướng dẫn thực hành lâm sàng. Sinh viên được hướng dẫn bởi cùng một giáo viên tại mọi thời điểm sẽ có mối quan hệ tốt với giáo viên hơn là những sinh viên được hướng dẫn bởi các giáo viên khác nhau mỗi ngày [7].

Năng lực chuyên môn và tác phong của giáo viên hướng dẫn của bệnh viện cũng sẽ là lực hút hấp dẫn giúp cho sinh viên bị cuốn hút và tương tác nhiều hơn với giáo viên, giúp sinh viên thêm tự tin vào năng lực học tập của bản thân và giáo viên tự tin hơn về vai trò của mình [5].

Ngoài ra, việc tự học và tự lượng giá năng lực của bản thân cũng chính là một điểm mạnh giúp cho sinh viên phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; rèn luyện cách học tập, làm việc, tư duy khoa học. Chính việc nhận thức vai trò tự giác, không lệ thuộc vào thầy cô là một trong những yếu tố góp phần nâng cao chất lượng học tập thực hành của sinh viên sau này [7].

Nhìn chung việc ứng dụng mô hình đào tạo thực hành kết hợp giáo viên hướng dẫn của trường - viện cho sinh viên điều dưỡng bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, tuy nhiên việc áp dụng hiệu quả sẽ mang lại rất nhiều thuận lợi cho việc đào tạo.

## **2. PHƯƠNG PHÁP**

Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp phối hợp định lượng và định tính. Phần 1 là nghiên cứu can thiệp không có nhóm chứng với đánh giá trước - sau. Phần 2 là nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu thêm về những thuận lợi và khó khăn khi là giáo viên hướng dẫn của các điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện. Đối tượng nghiên cứu là sinh viên Cử nhân Điều dưỡng hệ chính quy và liên thông đã đi thực hành lâm sàng điều dưỡng

cơ bản, đã có kinh nghiệm thực tế về thực hành lâm sàng trước đó với giáo viên hướng dẫn của trường. Bốn giáo viên hướng dẫn của bệnh viện là 4 nhân viên điều dưỡng trình độ cử nhân tại 4 khoa đã được tham gia khóa đào tạo giáo viên hướng dẫn lâm sàng trước đó, có kinh nghiệm 5 năm trở lên. Bộ câu hỏi khảo sát sinh viên với 20 câu bao gồm 3 nội dung chính gồm môi trường thực tập (MT1-4), các năng lực theo tiêu chuẩn (NL 5-14) và cảm nhận đánh giá về giáo viên hướng dẫn (CN 15-20). Phần môi trường và năng lực được đo lường bằng thang đo Likert với 3 mức độ hài lòng, tạm được và không hài lòng. Cảm nhận và đánh giá giáo viên là các câu hỏi mở để sinh viên tự trả lời nhằm thu thập được nhiều ý kiến khác nhau của sinh viên. Bộ câu hỏi theo cấu trúc dùng phỏng vấn 4 giáo viên là điều dưỡng của bệnh viện nhằm mục đích tìm hiểu thêm về các khó khăn, thuận lợi và phương hướng phát triển của các giáo viên này đối với việc thực hiện hướng dẫn thực hành.

Dữ liệu trước can thiệp được thu thập vào cuối tuần 1 của tổng thời gian thực hành là 4 tuần, tại thời điểm đó sinh viên đã được các giáo viên của trường thông tin đầy đủ về mục tiêu nội dung, kế hoạch thực hành và có cảm nhận khách quan đầu tiên về môi trường thực hành lâm sàng. Sau đó, giáo viên của trường cùng với giáo viên của bệnh viện sẽ cùng nhau hướng dẫn sinh viên theo phân công cụ thể trong các tuần kế tiếp. Dữ liệu sau can thiệp được thu thập vào cuối tuần thứ 4 sau khi sinh viên được lượng giá cuối khóa. Phỏng vấn 4 giáo viên tại bệnh viện vào tuần 4 sau khi lượng giá cuối khóa.

### 3. KẾT QUẢ

#### 3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Tổng số sinh viên của 2 lớp điều dưỡng tham gia nghiên cứu là 104 sinh viên, trong đó hệ chính quy chiếm 33,7% và hệ liên thông chiếm 66,3%. Các chuyên khoa thực hành tại thời điểm nghiên cứu bao gồm chuyên khoa ngoại chiếm khoảng 83% và khoa nội chiếm 17%.

**Bảng 1. Đối tượng nghiên cứu**

Khoa thực tập			Sinh viên		
Khoa	N	%	Lớp	N	%
Ngoại Gan Mật Tụy	36	34,6	CQ	35	33,7
Ngoại Chính hình	34	32,7	LT	69	66,3
Ngoại Thần kinh	17	16,3			
Nội Tiêu hóa	17	16,3			
Tổng cộng	104	100 %	Tổng	104	100

#### 3.2. So sánh về môi trường thực hành của sinh viên điều dưỡng trước và sau can thiệp

Kết quả nghiên cứu so sánh cho thấy rằng có sự thay đổi khác biệt về điều kiện học tập tại các khoa và các phương tiện hỗ trợ cho quá trình thực tập của sinh viên với phép kiểm mang ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$  (khoảng tin cậy 95%).

Mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường học tập khi áp dụng mô hình thực hành kết hợp giáo trường - viện với giá trị  $t = 2,950$ ,  $p = 0,004$ . Các phương tiện hỗ trợ thực hành cũng làm hài lòng sinh viên hơn với sự

khác biệt giữa trước và sau khi thực hành là  $t = 3,897$ ,  $p = 0,000$ . Tuy nhiên điều kiện giao tiếp với bệnh nhân và thân nhân và điều kiện giao tiếp với giảng viên, nhân viên y tế, bạn bè không có sự khác biệt giữa trước và sau khi can thiệp với  $p > 0,05$ .

**Bảng 2. Kết quả so sánh về môi trường thực hành của sinh viên**

Môi trường	Tuần 1	Tuần 4	t	p
Môi trường học tập tại khoa	2,39	2,57	2,95 0	0,00 4
Các phương tiện hỗ trợ thực tập	2,35	2,55	3,89 7	0,00 0
Điều kiện giao tiếp NB&TN	2,51	2,62	1,34 9	0,18 0
Điều kiện giao tiếp với GV&NV&Bạn	2,58	2,60	0,28 2	0,77 9

### 3.3. So sánh các tiêu chuẩn năng lực của sinh viên sau 4 tuần thực hành

Trong các tiêu chuẩn năng lực được đánh giá kết quả cho thấy rằng có 8 tiêu chuẩn năng lực đã có sự cải thiện đáng kể trong quá trình thực tập của sinh viên với sự khác biệt về sự hài lòng ở mức độ cao trước và sau khi thực hiện việc kết hợp giáo viên của trường và bệnh viện với  $p < 0,005$  (95% khoảng tin cậy). Bên cạnh đó 2 tiêu chuẩn năng lực về cộng tác nhân viên y tế (NL8) và quản lý thuốc (NL10) không có sự cải thiện khác biệt mang ý nghĩa thống kê,  $p = 0,525$  và  $p = 0,32$  và năng lực thực hành kỹ năng chuyên khoa (NL6) có mức hài lòng trung bình.

**Bảng 3. Kết quả năng lực thực hành của sinh viên**

Nội dung	NL tuần 1	NL tuần 4	t	p
NL5 Chăm sóc cơ bản	2,32	2,59	3,84 7	0,00 0
NL6 Chăm sóc chuyên khoa	2,37	2,58	2,89 1	0,00 5
NL7 Giao tiếp người bệnh	2,41	2,76	5,09 0	0,00 0
NL8 Cộng tác nhân viên y tế	2,46	2,51	0,63 8	0,52 5
NL9 Ghi hồ sơ	1,95	2,51	6,91	0,00

Nội dung	NL tuần 1	NL tuần 4	t	p
			6	0
NL10 Quản lý thuốc	2,53	2,61	1,00 0	0,32 0
NL11 Nhận định người bệnh	2,26	2,62	5,43 9	0,00 0
NL12 Ra quyết định và giải quyết vấn đề	2,09	2,50	6,36 4	0,00 0
NL13 Tìm tài liệu ứng dụng thực hành	1,98	2,46	7,87 1	0,00 0
NL14 Tự đánh giá	2,31	2,71	5,51 0	0,00 0

### 3.4. Cảm nhận và đánh giá của sinh viên về giáo viên hướng dẫn

Giáo viên của trường được sinh viên đánh giá là có tác phong chuyên nghiệp, phương pháp hướng dẫn và giải quyết vấn đề tốt hơn giáo viên của bệnh viện, trong đó tác phong chuyên nghiệp đạt 100%, phương pháp hướng dẫn làm hài lòng sinh viên 69%, có kế hoạch khoa học 19%, không làm quá tải sinh viên. Giáo viên của bệnh viện có phương pháp hướng dẫn chưa hiệu quả chiếm 26%, cao gấp 2 lần giáo viên của trường, cách hướng dẫn chưa phù hợp làm sinh viên cảm thấy bị quá tải 7%. Phương pháp lượng giá theo năng lực lại gần như ngang bằng giữa giáo viên trường và giáo viên của viện nhưng giáo viên của trường thực hiện phương pháp lượng giá hiệu quả và sát thực tế 60%. Phép kiểm Chi-bình phương cho thấy có sự khác biệt về các tiêu chuẩn năng lực giữa giáo viên ở trường và giáo viên ở viện qua cảm nhận của sinh viên, và dường như giáo viên của trường nội trội hơn về sự nhạy bén, linh hoạt trong khả năng giải quyết vấn đề 93% và thể hiện sự tự tin, chuyên nghiệp về kiến thức chuyên môn là 95% so với giáo viên bệnh viện là 84% và 80%.

**Bảng 4. Cảm nhận của sinh viên về giáo viên hướng dẫn**

Nội dung	Tiêu chí	Giáo viên của trường	Giáo viên của bệnh viện	Phép kiểm Chi bình phương		
				df	c2	p
<b>N = 104</b>						
Hỗ trợ và phản hồi cho sinh viên	Tích cực	96 (92,3%)	93 (89,4%)	2	64,654	0,000
	Không nhiệt tình	7 (6,7%)	11 (10,6%)			
	Chưa hiệu quả	1 (1,0%)	0 (0%)			
Phương pháp	Sv hài lòng	72 (69,2%)	53 (51%)	3	43,6115	0,000

hướng dẫn	Chưa hiệu quả	13 (12,5%)	26 (25%)			
	Có kế hoạch khoa học	19 (18,3%)	17 (16,3%)			
	Quá tải với sinh viên	0 (0%)	8 (7,7%)			
Phương pháp lượng giá	Theo năng lực	29 (27,9%)	27 (26%)	2	16,404	0,000
	Phù hợp thực tế	63 (60,6%)	54 (51,9%)			
	Chưa xác thực	12 (11,5%)	23 (23,1%)			
Tác phong	Chuyên nghiệp	104 (100%)	97 (93,3%)	1	77,885	0,000
	Chưa chuyên nghiệp	0 (0%)	7 (6,7%)			
Khả năng giải quyết vấn đề	Nhạy bén	93 (89,4%)	84 (80,8%)	1	39,385	0,000
	Chưa nhạy bén	11 (10,6%)	20 (19,2%)			
Năng lực chuyên môn	Chuyên nghiệp	95 (91,3%)	90 (86,5%)	1	55,538	0,000
	Chưa tự tin	9 (8,7%)	14 (13,5%)			

### 3.5. Những thuận lợi và khó khăn của giáo viên hướng dẫn của bệnh viện

Kết quả phỏng vấn cho thấy rằng những thuận lợi của việc làm giáo viên hướng dẫn của các nhân viên điều dưỡng chủ yếu là việc hoàn thiện lại các kỹ năng lâm sàng, tự tìm hiểu tài liệu nâng cao kiến thức, niềm vui và lòng yêu nghề khi tiếp xúc sinh viên. Những khó khăn khi thực hiện công việc này gồm thiếu thời gian và quá tải công việc, phương hướng đề ra để khắc phục là cần có sự phân công rõ ràng hơn từ phía bệnh viện về các công việc được giao, giảm việc hành chính. Những lợi ích có được, những ảnh hưởng, kinh nghiệm đạt được là kiến thức về phương pháp hướng dẫn lâm sàng, lượng giá sinh viên.

**Bảng 5. Thuận lợi và khó khăn khi là giáo viên hướng dẫn tại bệnh viện**

	Thuận lợi	Khó khăn	Phương hướng	Lợi ích	Ảnh hưởng	Kinh nghiệm	Đam mê
1	Có trách nhiệm Tìm hiểu tài liệu Trao đổi thông tin	Thiếu thời gian Bỏ sung dụng cụ cho SV Chưa được phân công rõ	Cần được phân công công việc rõ ràng	Chưa có	Vất vả hơn	Nên cởi mở Đánh giá theo năng lực	Cần nhiệt tình hơn, cố gắng thử vài lần nữa

	<b>Thuận lợi</b>	<b>Khó khăn</b>	<b>Phương hướng</b>	<b>Lợi ích</b>	<b>Ảnh hưởng</b>	<b>Kinh nghiệm</b>	<b>Đam mê</b>
2	Cập nhật kiến thức liên tục để có thể trả lời sinh viên Hoàn thiện thao tác kỹ thuật chăm sóc tốt hơn người bệnh	Không có thời gian ghi chép hồ sơ phải làm vào giờ nghỉ trưa Chưa tự tin	Giảm bớt những thủ tục hành chính Được tham gia nhiều hơn vào các lớp phương pháp giảng dạy	Tự hoàn thiện mình SV hỗ trợ lại công việc	Không có thời gian nghỉ trưa	Kinh nghiệm giảng dạy, đánh giá SV	Tôi yêu thích công việc này
3	Thấy mình tự tin, yêu nghề	Công việc nhiều hơn Nhiều trách nhiệm hơn	Được phân công rõ ràng	Cơ hội học tập và mối quan hệ với trường sau này	Không có thời gian	Phương pháp giảng dạy Sự tự tin của giáo viên	Có lẽ vẫn tiếp tục
4	Nâng cao kiến thức chuyên môn Giao tiếp tốt hơn	Quả tải việc	Giảm bớt việc bệnh viện Phụ cấp từ trường	Hoàn thiện bản thân, tay nghề Có cơ hội học nâng cao trình độ	Cũng không nhiều	Nhiều niềm vui, SV rất tình cảm	Tiếp tục

#### 4. BÀN LUẬN

Môi trường thực tập tại khoa đã có sự thay đổi theo hướng tích cực làm hài lòng sinh viên, điều đó mang ý nghĩa từ việc kết hợp hai giáo viên hướng dẫn hỗ trợ và tạo điều kiện về môi trường thực hành tốt hơn. Giáo viên của bệnh viện là nhân viên của khoa, do đó nắm bắt và hướng dẫn việc sử dụng môi trường và những công cụ thực tập hiệu quả hơn, có trách nhiệm và tinh thần giúp đỡ sinh viên khi thiếu hụt dụng cụ. Tuy nhiên, năng lực cộng tác với nhân viên y tế (NL8) cho kết quả không có sự khác biệt giữa trước và sau khi thực hiện mô hình kết hợp với giá trị  $t = 0,48$  và  $p = 0,525$  chứng tỏ rằng giao tiếp là một trong những tiêu chí năng lực mà sinh viên chưa đạt được hiệu quả khi đi thực hành điều này sẽ ảnh hưởng khá lớn đến các năng lực khác của sinh viên [8]. Điều này cũng có thể lý giải rằng do quá trình đi thực hành buổi sáng (7-11 giờ) là thời gian bận rộn của nhân viên y tế tại Bệnh viện Chợ Rẫy nên sinh viên ít có cơ hội tương tác với các nhân viên khác. Năng lực quản lý thuốc (NL10) chưa đạt sự hài lòng của sinh viên cũng thể hiện việc đào tạo hướng dẫn cho sinh viên thực hành về dùng thuốc cho người bệnh và nâng cao kiến thức về thuốc chưa hiệu quả tại các khoa thực hành chuyên khoa.

Sự khác biệt không đáng kể giữa giáo viên của trường và giáo viên của bệnh viện về sự nhiệt tình hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện cho sinh viên, tác phong làm việc chuyên nghiệp, đúng giờ, nghiêm túc, phương pháp lượng giá sát thực tế, phương pháp hướng dẫn sinh viên có kế hoạch khoa học cho thấy rằng việc đào tạo và hướng dẫn cho đội ngũ giáo viên của bệnh viện trước đây đạt kết quả khá tốt, tinh thần học hỏi và ý thức trách nhiệm làm việc của các nhân viên khá cao. Bên cạnh đó, việc áp dụng hình thức đánh giá sinh viên theo năng lực chỉ chiếm khoảng 30% trong phương pháp lượng giá của các giáo viên cũng cần được xem xét lại và triển



khai áp dụng toàn diện hơn. Tác phong và sự chuyên nghiệp của giáo viên của trường tốt hơn vì đội ngũ giảng viên của trường được đào tạo chuyên nghiệp và có kinh nghiệm giảng dạy sư phạm hơn so với giáo viên bệnh viện. Chính vì điều này mà đôi khi sinh viên cảm thấy bị quá tải khi được hướng dẫn bởi giáo viên bệnh viện. Tuy nhiên, sự khác biệt đây chỉ là bước đầu và có khả năng cải thiện khi giáo viên của bệnh viện tham gia hoạt động hướng dẫn thành thạo hơn sẽ làm họ thấy tự tin hơn và phát huy được năng lực chuyên nghiệp của mình, đem kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế phong phú truyền đạt lại cho sinh viên một cách hiệu quả,

Bàn về những thuận lợi và khó khăn của các nhân viên điều dưỡng bệnh viện khi bước vào vai trò của người giáo viên hướng dẫn, đa số còn nhiều khó khăn, bỡ ngỡ bước đầu, nhưng với sự hỗ trợ của giáo viên từ trường và kinh nghiệm chuyên môn cũng như kinh nghiệm giảng dạy tiếp thu và được đào tạo, cùng với việc duy trì niềm đam mê và lòng yêu nghề, các điều dưỡng này vẫn sẽ tiếp tục và dần hoàn thiện hơn trong vai trò làm giáo viên hướng dẫn tại bệnh viện. Bên cạnh đó, những lợi ích có được và các phương hướng giải quyết hợp lý về chế độ công việc hay thu nhập từ bệnh viện hoặc trường học từ chương trình hợp tác này sẽ củng cố thêm nhiệt tình cho họ tham gia thực hiện mô hình kết hợp lâu dài trong tương lai.

## 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Mô hình kết hợp giáo viên hướng dẫn lâm sàng trường - viện giúp cho môi trường thực hành của sinh viên tốt hơn, tuy nhiên chưa cải thiện được các điều kiện giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp. Sinh viên được thực hành theo năng lực và cảm thấy hài lòng với 80% các năng lực đạt được theo chuẩn yêu cầu. Giáo viên hướng dẫn của trường đạt chuẩn về tác phong, phương pháp hướng dẫn cũng như phương pháp lượng giá và kiến thức chuyên môn tốt hơn khi được so sánh với giáo viên của bệnh viện. Giáo viên của bệnh viện vẫn cần có thêm nhiều thời gian, kinh nghiệm và kỹ năng giảng dạy, cũng như cần được hỗ trợ thêm từ phía trường và bệnh viện tạo điều kiện để tiếp tục làm giáo viên hướng dẫn thực hành.

Hiệu quả của mô hình kết hợp giáo viên hướng dẫn của trường - viện mang lại lợi ích tích cực cho sinh viên cũng như tạo sự hợp tác lâu dài giữa trường và viện. Mô hình này nên được đẩy mạnh thực hiện lâu dài, phát huy các điểm mạnh của mô hình, bên cạnh đó khắc phục những khó khăn ban đầu là việc hỗ trợ, đào tạo kỹ năng mô phạm, phương pháp giảng dạy cho những điều dưỡng viên tại bệnh viện có lòng yêu nghề và yêu công tác giảng dạy, tình nguyện tham gia kết hợp giảng dạy với giảng viên của trường.

Bên cạnh việc hỗ trợ đào tạo, chế độ làm việc của giáo viên kết hợp trường - viện cũng cần được cân đối thời gian làm việc phù hợp cho 2 nhiệm vụ: đào tạo và chăm sóc người bệnh. Đối với sinh viên điều dưỡng, mục tiêu nâng cao kỹ năng giao tiếp và kỹ năng quản lý dùng thuốc cần đặt làm trọng tâm trong đề cương chi tiết của các học phần thực hành và đưa phương pháp lượng giá phù hợp cho 2 kỹ năng này.

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quang Bảo (2009), “Các biện pháp quản lý hoạt động tự học của sinh viên trường Văn hóa I - Bộ Công an”, Luận văn Thạc sĩ. Đại học sư phạm Thái Nguyên.
2. Nguyễn Thị Kim Thoa (2009), “Thực trạng quản lý thực tập tại Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch”, Luận văn thạc sĩ. Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bùi Trân Thúy (2004), “Thực trạng việc quản lý thực tập tại trường Cao đẳng bán công Hoa sen và một số giải pháp”, Luận văn Thạc sĩ. Đại học Sư phạm.
4. Camsooksai, Julie (2002), “The role of the Lecturer Practitioner in interprofessional education”, Nurse education today. 22(6), pp. 466-475.
5. Kaviani, Nayer and Stillwell, Yvonne (2000), “An evaluative study of clinical preceptorship”, Nurse education today. 20(3), pp. 218-226.
6. Stark, Sheila, Warne, Tony, and Street, Clare (2001), “Practice nursing: an evaluation of a training practice initiative”, Nurse education today. 21(4), pp. 287-296.

7. Sundler, Annelie J., et al. (2014), "Student nurses' experiences of the clinical learning environment in relation to the organization of supervision: A questionnaire survey", *Nurse education today*. 34(4), pp. 661-666.

8. Xie, Jianfei, et al. (2013), "An evaluation of nursing students' communication ability during practical clinical training", *Nurse education today*. 33(8), pp. 823-827.